

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM;
- Quý Cổ đông.

- Loại thông tin công bố : ☐ định kỳ ☐ bất thường ☒ 24h ☐ theo yêu cầu

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <http://ppc.evn.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

- Như trên;
- Phòng KT (CBTT trên trang Web);
- Lưu: VT, TCKT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

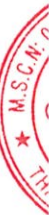


Q. TÔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Hải



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh/
Doanh nghiệp số**

0403000380
0800296853

ngày 25 tháng 1 năm 2006
ngày 10 tháng 5 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0800296853 ngày 27 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Xuân Diện	Chủ tịch (từ ngày 1 tháng 5 năm 2022) Thành viên (đến ngày 30 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Thùy	Chủ tịch (đến ngày 1 tháng 5 năm 2022) Thành viên (từ ngày 1 tháng 5 năm 2022 đến ngày 23 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên (từ ngày 23 tháng 6 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Ông Ngô Nguyên Đồng	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên
Ông Lương Trường Luân	Thành viên (từ ngày 23 tháng 6 năm 2022)
Ông Trần Anh Duy	Thành viên (đến ngày 23 tháng 6 năm 2022)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2022) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Quyền Tổng Giám Đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2022)
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2022)

Trụ sở đăng ký

Km 28 Quốc lộ 18
Phường Phả Lại
Thành phố Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hoàng Hải
Quyền Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3(h)(ii) của báo cáo tài chính giữa niên độ trong đó đề cập việc Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh trong kỳ theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Hướng dẫn kế toán áp dụng cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán theo Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được trình bày trong Thuyết minh 3(h)(ii) của báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết luận của chúng tôi không ngoại trừ vấn đề này.

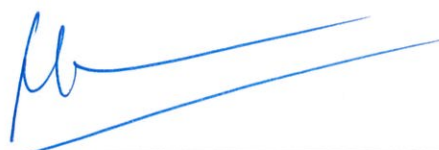
Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-01-00344-22-1



Trần Thị Lệ Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3782-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2022



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.612.734.921.452	2.489.095.640.555
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	206.079.447.757	526.546.317.489
Tiền	111		16.079.447.757	26.546.317.489
Các khoản tương đương tiền	112		190.000.000.000	500.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		250.000.000.000	615.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	250.000.000.000	615.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.727.147.351.559	796.680.900.597
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.539.608.023.519	596.982.947.813
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	12.625.747.058
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	188.166.866.953	188.166.866.953
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.393.765.607	2.076.833.407
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.021.304.520)	(3.171.494.634)
Hàng tồn kho	140	10(a)	415.567.909.777	500.636.692.263
Hàng tồn kho	141		493.027.627.392	582.756.079.845
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(77.459.717.615)	(82.119.387.582)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.940.212.359	50.231.730.206
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.125.364.475	839.979.895
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(b)	2.553.826.045	39.130.728.472
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(b)	10.261.021.839	10.261.021.839

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.938.187.775.609	2.959.470.526.214
Tài sản cố định	220		348.327.532.540	336.384.321.074
Tài sản cố định hữu hình	221	11	347.204.650.422	335.595.462.630
Nguyên giá	222		13.636.162.292.610	13.594.338.447.324
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.288.957.642.188)	(13.258.742.984.694)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.122.882.118	788.858.444
Nguyên giá	228		59.285.531.632	58.710.531.632
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.162.649.514)	(57.921.673.188)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.455.590.687	31.075.547.779
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	31.455.590.687	31.075.547.779
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	2.500.589.887.550	2.501.326.887.550
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.309.000.000)	(34.572.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		57.814.764.832	90.683.769.811
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	25.276.854.908	32.615.864.455
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	20.982.997.264	46.098.773.628
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10(b)	11.554.912.660	11.969.131.728
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.550.922.697.061	5.448.566.166.769

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300	574.116.202.111	594.317.517.802
Nợ ngắn hạn	310	574.116.202.111	594.317.517.802
Phải trả người bán ngắn hạn	311 16	310.804.413.841	521.722.407.960
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	255.607.410	255.057.410
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 17(a)	4.914.349.064	2.713.893.702
Phải trả người lao động	314	47.345.893.060	32.603.354.518
Chi phí phải trả ngắn hạn	315 18	175.621.228.786	5.558.296.935
Phải trả ngắn hạn khác	319 19	6.610.642.013	5.879.512.628
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 20	28.564.067.937	25.584.994.649
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	4.976.806.494.950	4.854.248.648.967
Vốn chủ sở hữu	410 21	4.976.806.494.950	4.854.248.648.967
Vốn cổ phần	411 22	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	11.692.500.615	11.692.500.615
Vốn khác của chủ sở hữu	414	250.236.622.078	250.236.622.078
Cổ phiếu quỹ	415	(87.388.368.719)	(87.388.368.719)
Quỹ đầu tư phát triển	418 24	1.201.170.155.697	1.201.170.155.697
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	338.745.585.279	216.187.739.296
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a	190.132.209.886	-
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay</i>	421b	148.613.375.393	216.187.739.296
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	5.550.922.697.061	5.448.566.166.769

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:

 Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người thuyết:

 Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Hoàng Hải
 Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	2.367.393.994.259	2.297.474.471.005
Giá vốn hàng bán	11	27	2.214.241.701.188	2.343.423.218.016
Lợi nhuận/(lỗ) gộp (20 = 01 – 11)	20		153.152.293.071	(45.948.747.011)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	75.279.019.976	329.431.417.936
Chi phí tài chính	22	29	804.000.000	(23.415.105.363)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	54.269.359.078	50.233.086.247
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 – 22) – 26}	30		173.357.953.969	256.664.690.041
Thu nhập khác	31		782.628.496	2.277.831.746
Chi phí khác	32		411.430.708	286.567.260
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 – 32)	40		371.197.788	1.991.264.486
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		173.729.151.757	258.655.954.527
Thu nhập thuế TNDN hiện hành	51	32	-	(20.451.320)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	25.115.776.364	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52)	60		148.613.375.393	258.676.405.847
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	464	807

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:


 Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp


 Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Hoàng Hải
 Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
Mã số		30/6/2022	30/6/2021
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	173.729.151.757	258.655.954.527
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	30.161.439.834	21.106.117.332
Các khoản dự phòng	03	(10.211.482.106)	(21.658.586.126)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(75.279.019.976)	(329.431.417.936)
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	118.400.089.509	(71.327.932.203)
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09	(900.052.055.385)	276.894.728.642
Biến động hàng tồn kho	10	96.431.483.660	209.179.718.408
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	7.853.010.103	(55.736.815.458)
Biến động chi phí trả trước	12	7.053.624.967	(3.983.394.849)
		(670.313.847.146)	355.026.304.540
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(90.766.388.013)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(22.782.262.136)	(26.026.724.618)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(693.096.109.282)	238.233.191.909

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(73.812.287.276)	(1.653.695.466)
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	23	-	(676.000.000.000)
Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	365.000.000.000	1.232.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay và cổ tức	27	81.441.526.826	269.219.575.470
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	372.629.239.550	824.065.880.004

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền chi trả cổ tức	36	-	(1.028.985.024.481)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(1.028.985.024.481)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(320.466.869.732)	33.314.047.432
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	526.546.317.489	273.399.825.071
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	206.079.447.757	306.713.872.503

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt Điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Khoản vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên) vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần.

Ngày 26 tháng 1 năm 2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo ngày 17 tháng 1 năm 2007 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán là PPC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2022: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 803 nhân viên (1/1/2022: 833 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất chung được phân bổ, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công trình xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong kỳ hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 36 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng cơ bản tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Sửa chữa lớn tài sản cố định

Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh trong kỳ theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN. Theo đó, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí của các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Nếu Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo hướng dẫn của VAS 18 thì giá vốn hàng bán sẽ giảm 169.662.749.340 VND, chi phí thuế TNDN và lợi nhuận sau thuế TNDN sẽ tăng lần lượt là 33.932.549.868 VND và 135.730.199.472 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: giá vốn hàng bán sẽ giảm 193.572.095.421 VND, chi phí thuế TNDN và lợi nhuận sau thuế TNDN sẽ tăng lần lượt là 38.714.419.084 VND và 154.857.676.337 VND); số dư của các khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 sẽ tăng lần lượt là 2.871.812.897 VND và 135.730.199.472 VND, số dư của các khoản mục “Chi phí phải trả ngắn hạn”, “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” và “Thuế phải thu Nhà nước” trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 sẽ giảm lần lượt là 169.662.749.340 VND, 20.799.715.132 VND và 10.261.021.839 VND (1/1/2022: số dư của các khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối”, “Chi phí phải trả ngắn hạn”, “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” và “Thuế phải thu Nhà nước” trên bảng cân đối kế toán không thay đổi).

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí khôi phục hiện trường

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ hoàn nguyên môi trường khi kết thúc Hợp đồng thuê đất. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, các công việc yêu cầu đối với việc hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, đã không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động kinh doanh điện
- Hoạt động đầu tư

Kết quả kinh doanh, tài sản và công nợ của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Hoạt động kinh doanh điện		Hoạt động đầu tư		Tổng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022	30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022	30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022	30/6/2021 VND
Chi tiêu vốn	73.812.287.276	1.653.695.466	-	-	73.812.287.276	1.653.695.466
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	30.214.657.494	21.069.744.769	-	-	30.214.657.494	21.069.744.769
Khấu hao tài sản cố định vô hình	240.976.326	132.588.336	-	-	240.976.326	132.588.336

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	14.726.395	47.727.163
Tiền gửi ngân hàng	16.064.721.362	26.498.590.326
Các khoản tương đương tiền	190.000.000.000	500.000.000.000
	206.079.447.757	526.546.317.489

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,2% đến 5,1% (1/1/2022: từ 3,0% đến 3,5%).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	250.000.000.000	615.000.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 3,9% đến 5,1% (1/1/2022: 3,2% đến 5,5%).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/6/2022 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</i>						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	2.324.315.000.000
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	-	1.044.939.532.200
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	-	96.996.000.000
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	9.453.083	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	132.343.162.000
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	11.311.657	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	162.887.860.800
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(35.309.000.000)	11.189.000.000
				1.084.843.117.400	(35.309.000.000)	1.448.355.555.000
				2.535.898.887.550	(35.309.000.000)	3.772.670.555.000

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	1/1/2022 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	2.441.180.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	-	1.398.158.529.000
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	-	145.848.000.000
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	9.453.083	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	156.921.177.800
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	11.311.657	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	196.822.831.800
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(34.572.000.000)	11.926.000.000
				1.084.843.117.400	(34.572.000.000)	1.909.676.538.600
				2.535.898.887.550	(34.572.000.000)	4.350.856.538.600

(i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (nhiệt điện). Trụ sở chính của Công ty đặt tại Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	34.572.000.000	58.654.105.363
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	737.000.000	(23.412.105.363)
Số dư cuối kỳ	35.309.000.000	35.242.000.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.529.039.816.281	580.979.341.150
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (i)	3.021.304.520	3.021.304.520
Dự thu lãi tiền gửi và cho vay (ii)	5.862.876.712	4.945.383.562
Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii)	-	7.080.000.000
Các khách hàng khác	1.684.026.006	956.918.581
	1.539.608.023.519	596.982.947.813

- (i) Khoản phải thu này liên quan đến khoản lãi ủy thác đầu tư của Công ty theo Hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVPMC-UTĐT/PLPC ngày 18 tháng 9 năm 2007 được ký kết với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt và các biên bản và phụ lục hợp đồng từ năm 2007 đến năm 2014. Khoản lãi ủy thác đầu tư này đã được trích lập dự phòng 100% như được trình bày tại Thuyết minh 9.
- (ii) Các khoản phải thu này liên quan đến dự thu lãi tiền gửi và cho vay và dự thu cổ tức được ghi nhận vào tài khoản phải thu của khách hàng theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.529.039.816.281	580.979.341.150
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	-	7.080.000.000

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	1/1/2022 VND	Biến động trong kỳ	30/6/2022 VND
		Cho vay VND	Thu hồi VND
Khoản cho vay dài hạn đến hạn phải thu	188.166.866.953	-	- 188.166.866.953

Khoản cho vay này phản ánh khoản cho vay đối với Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần, công ty mẹ. Khoản cho vay này bằng VND, không được đảm bảo, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và hưởng lãi suất năm là 5,27% (1/1/2022: 6,8%).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ giữa năm độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)
Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/6/2022				1/1/2022			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Quản lý								
Quý Dầu tư Chứng	>3 năm	3.021.304.520	(3.021.304.520)	-	>3 năm	3.021.304.520	(3.021.304.520)	-
Khoản Bảo Việt		-	-	-	>3 năm	150.190.114	(150.190.114)	-
Phải thu khác								
		3.021.304.520	(3.021.304.520)	-		3.171.494.634	(3.171.494.634)	-

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.171.494.634	3.171.494.634	3.171.494.634	3.171.494.634
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(150.190.114)	(150.190.114)	-	-
Số dư cuối kỳ	3.021.304.520	3.021.304.520	3.171.494.634	3.171.494.634

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Vật tư và nhiên liệu	490.910.521.652	(76.050.030.122)	580.200.455.068	(80.827.567.164)
Công cụ và dụng cụ	2.085.503.886	(1.409.687.493)	2.537.232.923	(1.291.820.418)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.601.854	-	18.391.854	-
	493.027.627.392	(77.459.717.615)	582.756.079.845	(82.119.387.582)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	82.119.387.582	95.195.850.611
Trích lập dự phòng trong kỳ	640.669.153	532.170.621
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(5.300.339.120)	(484.511.290)
Số dư cuối kỳ	77.459.717.615	95.243.509.942

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	172.050.086.071	(160.495.173.411)	178.753.117.278	(166.783.985.550)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	166.783.985.550	173.105.161.040
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	2.350.479.971
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(6.288.812.139)	(644.620.065)
Số dư cuối kỳ	160.495.173.411	174.811.020.946

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.708.812.563.537	11.696.874.269.840	113.022.972.921	69.505.430.751	6.123.210.275	13.594.338.447.324
Tăng trong kỳ	-	1.418.181.818	-	2.358.076.000	-	3.776.257.818
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	38.047.587.468	-	-	-	38.047.587.468
Số dư cuối kỳ	1.708.812.563.537	11.736.340.039.126	113.022.972.921	71.863.506.751	6.123.210.275	13.636.162.292.610
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.531.951.921.098	11.588.857.878.433	77.701.301.774	56.696.174.296	3.535.709.093	13.258.742.984.694
Khấu hao trong kỳ	11.338.008.415	12.859.198.456	2.223.004.062	3.355.154.113	439.292.448	30.214.657.494
Số dư cuối kỳ	1.543.289.929.513	11.601.717.076.889	79.924.305.836	60.051.328.409	3.975.001.541	13.288.957.642.188
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	176.860.642.439	108.016.391.407	35.321.671.147	12.809.256.455	2.587.501.182	335.595.462.630
Số dư cuối kỳ	165.522.634.024	134.622.962.237	33.098.667.085	11.812.178.342	2.148.208.734	347.204.650.422

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 12.742.899 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 12.742.694 triệu VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	57.414.901.632	1.295.630.000	58.710.531.632
Tăng trong kỳ	-	575.000.000	575.000.000
Số dư cuối kỳ	57.414.901.632	1.870.630.000	59.285.531.632
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	57.414.901.632	506.771.556	57.921.673.188
Khấu hao trong kỳ	-	240.976.326	240.976.326
Số dư cuối kỳ	57.414.901.632	747.747.882	58.162.649.514
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	788.858.444	788.858.444
Số dư cuối kỳ	-	1.122.882.118	1.122.882.118

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 57.573 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 57.415 triệu VND).

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	31.075.547.779	26.167.124.036
Tăng trong kỳ	48.370.726.652	90.467.273
Xây dựng cơ bản dở dang	38.427.630.376	90.467.273
Công trình sửa chữa lớn tài sản cố định	9.943.096.276	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(38.047.587.468)	-
Quyết toán công trình sửa chữa lớn tài sản cố định	(9.943.096.276)	-
	31.455.590.687	26.257.591.309

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số dư xây dựng cơ bản dở dang lớn thể hiện các công trình trong giai đoạn xây dựng như sau:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1	9.381.043.359	9.381.043.359
Chi phí quản lý dự án	5.550.278.491	5.550.278.491
Hệ thống quan trắc nước tuần hoàn	3.990.656.379	3.990.656.379
Hệ thống khử khí NO _x , SO _x dây chuyền 2	3.893.580.616	3.893.580.616
Các công trình khác	8.640.031.842	8.259.988.934
	31.455.590.687	31.075.547.779

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Vật tư, thiết bị dài hạn xuất dùng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	30.163.952.786	2.451.911.669	32.615.864.455
Tăng trong kỳ	183.635.256	1.001.938.719	1.185.573.975
Phân bổ trong kỳ	(7.225.801.598)	(1.298.781.924)	(8.524.583.522)
Số dư cuối kỳ	23.121.786.444	2.155.068.464	25.276.854.908

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
▪ Lỗ tính thuế mang sang	20%	20.799.715.132	45.915.491.496
▪ Chi phí phải trả và dự phòng	20%	183.282.132	183.282.132
		20.982.997.264	46.098.773.628

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ tính thuế được khấu trừ VND
2026	Chưa quyết toán	103.998.575.660

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	Giá gốc và số có khả năng trả nợ
	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam	187.305.693.961	121.111.450.099
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	24.149.111.831	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	11.001.104.797	56.538.524.908
Tổng Công ty Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng	6.725.080.430	150.943.271
Viện Nghiên cứu Cơ Khí	6.072.592.875	53.503.347.957
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Công nghiệp Hóa chất	4.369.144.859	46.566.707.165
Các nhà cung cấp khác	71.181.685.088	243.851.434.560
	310.804.413.841	521.722.407.960

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	Giá gốc và số có khả năng trả nợ
	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	24.149.111.831	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc	737.839.887	1.068.936.257
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin –		
Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	442.026.799

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh VND	Số đã cấn trừ VND	Số đã nộp VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	199.474.998.933	(199.474.998.933)	-	-
Thuế tài nguyên	2.393.171.595	32.846.362.515	-	(30.448.613.475)	4.790.920.635
Tiền thuế đất	-	12.799.535.160	-	(12.799.535.160)	-
Thuế thu nhập cá nhân	320.722.107	2.225.680.079	-	(2.422.973.757)	123.428.429
Các loại thuế và phí khác	-	16.885.891.591	-	(16.885.891.591)	-
	2.713.893.702	264.232.468.278	(199.474.998.933)	(62.557.013.983)	4.914.349.064

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh VND	Số đã cấn trừ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	39.130.728.472	162.898.096.506	(199.474.998.933)	2.553.826.045
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.261.021.839	-	-	10.261.021.839
	49.391.750.311	162.898.096.506	(199.474.998.933)	12.814.847.884



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định (Thuyết minh 3(h)(ii))	169.662.749.340	-
Chi phí khác	5.958.479.446	5.558.296.935
	175.621.228.786	5.558.296.935

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	4.913.659.954	4.913.659.954
Phải trả khác	1.696.982.059	965.852.674
	6.610.642.013	5.879.512.628

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	25.584.994.649	4.614.415.301
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	26.055.529.410	66.720.145.250
Sử dụng trong kỳ	(22.782.262.136)	(26.026.724.618)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong kỳ	(294.193.986)	(96.215.773)
	28.564.067.937	45.211.620.160

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	3.262.350.000.000	11.692.500.615	241.388.997.987	(87.388.368.719)	910.549.826.507	2.145.330.803.398	6.483.923.759.788
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	258.676.405.847	258.676.405.847
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	301.131.886.772	(301.131.886.772)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(66.720.145.250)	(66.720.145.250)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(1.777.478.771.376)	(1.777.478.771.376)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	3.262.350.000.000	11.692.500.615	241.388.997.987	(87.388.368.719)	1.211.681.713.279	258.676.405.847	4.898.401.249.009
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(42.488.666.551)	(42.488.666.551)
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	8.847.624.091	-	(10.511.557.582)	-	(1.663.933.491)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.262.350.000.000	11.692.500.615	250.236.622.078	(87.388.368.719)	1.201.170.155.697	216.187.739.296	4.854.248.648.967
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	148.613.375.393	148.613.375.393
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(26.055.529.410)	(26.055.529.410)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	3.262.350.000.000	11.692.500.615	250.236.622.078	(87.388.368.719)	1.201.170.155.697	338.745.585.279	4.976.806.494.950

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	5.621.946	87.388.368.719	5.621.946	87.388.368.719
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	320.613.054	3.206.130.540.000	320.613.054	3.206.130.540.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90%
Công ty TNHH Năng lượng REE	77.396.260	773.962.600.000	24,14%
Các cổ đông khác	76.824.898	768.248.980.000	23,96%
	320.613.054	3.206.130.540.000	100,00%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần, được thành lập tại Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 6 năm 2022, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 144.275.874.300 VND (tương đương 450 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: phân phối khoản cổ tức 1.889.693.340.276 VND (tương đương 5.894 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020, trong đó có khoản cổ tức 112.214.568.900 VND (tương đương 350 VND/cổ phiếu) đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020). Theo Nghị quyết số 335/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng Quản trị, Công ty chốt danh sách cổ đông được trả cổ tức vào ngày 18 tháng 7 năm 2022 và dự kiến thực hiện việc thanh toán cổ tức vào ngày 17 tháng 8 năm 2022 nên Công ty chưa ghi nhận giao dịch phân phối cổ tức trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.201.170.155.697	910.549.826.507
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	-	301.131.886.772
Số dư cuối kỳ	1.201.170.155.697	1.211.681.713.279

25. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Cam kết thuê chủ yếu đến từ hợp đồng thuê đất với thời hạn 50 năm được ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	24.380.051.060	24.380.051.060
Từ hai đến năm năm	97.520.204.240	97.520.204.240
Sau năm năm	711.084.822.583	723.274.848.113
	832.985.077.883	845.175.103.413

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán điện	2.360.867.579.470	2.290.729.117.922
▪ Doanh thu bán xỉ và phế liệu	6.526.414.789	6.745.353.083
	<u>2.367.393.994.259</u>	<u>2.297.474.471.005</u>

27. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	1.779.979.035.162	1.865.650.614.670
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	179.605.845.616	202.017.786.536
Chi phí nhân công	99.356.400.731	99.323.908.638
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.948.482.106)	1.753.519.237
Chi phí bảo trì	49.337.877.651	69.084.087.534
Chi phí khấu hao và phân bổ	28.148.317.189	19.184.508.571
Chi phí điện mua ngoài	20.428.464.333	25.318.302.933
Chi phí thuế, phí và lệ phí	50.467.270.306	39.837.539.923
Chi phí khác	17.866.972.306	21.252.949.974
	<u>2.214.241.701.188</u>	<u>2.343.423.218.016</u>

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	16.409.187.176	42.483.005.136
Thu nhập cổ tức	58.869.832.800	286.948.412.800
	<u>75.279.019.976</u>	<u>329.431.417.936</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	737.000.000	(23.412.105.363)
Chi phí tài chính khác	67.000.000	(3.000.000)
	<u>804.000.000</u>	<u>(23.415.105.363)</u>

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	25.145.988.799	13.104.911.889
Chi phí vật tư quản lý	2.947.029	1.396.464.921
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.905.214.937	1.759.241.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.348.611.516	3.547.594.514
Chi phí thuế, phí và lệ phí	12.304.714.473	12.288.776.257
Chi phí khác	12.561.882.324	18.136.097.165
	<u>54.269.359.078</u>	<u>50.233.086.247</u>

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu trong chi phí sản xuất	1.776.692.868.991	1.864.602.769.773
Chi phí nhân công và nhân viên	124.502.389.530	112.428.820.527
Chi phí khấu hao và phân bổ	30.053.532.126	20.943.750.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.541.982.154	30.225.890.427
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	179.605.845.616	202.017.786.536
Chi phí thuế, phí và lệ phí	62.771.984.779	52.140.695.270
Chi phí khác	72.342.457.070	111.296.591.658

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Thu nhập thuế TNDN hiện hành		
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(20.451.320)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Lỗi tính thuế được sử dụng	23.171.144.974	-
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.944.631.390	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	25.115.776.364	(20.451.320)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	173.729.151.757	258.655.954.527
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	34.745.830.351	51.731.190.905
Thu nhập không bị tính thuế	(11.773.966.560)	(57.389.682.560)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.286.811.171	23.400.000
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.944.631.390	-
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(1.087.529.988)	(219.665.830)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	5.854.757.485
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(20.451.320)
	25.115.776.364	(20.451.320)

Theo quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 20% đối với lợi nhuận trước thuế cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm đầu tiên chính thức chuyển sang công ty cổ phần (từ năm 2006 đến năm 2017) và thuế suất thuế thu nhập thông thường trong những năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	148.613.375.393	258.676.405.847
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	148.613.375.393	258.676.405.847

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	320.613.054	320.613.054
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	320.613.054	320.613.054

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	20.428.464.333	25.318.302.933
Thu nhập lãi cho vay	-	6.906.909.722
Thu hồi khoản cho vay	-	17.500.000.000
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần		
Thu nhập lãi cho vay	4.985.742.483	5.047.158.057
Chia cổ tức	-	922.476.671.424
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Doanh thu bán điện	2.360.374.716.975	2.290.067.723.019
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh		
Cổ tức được chia	58.869.832.800	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng		
Cổ tức được chia	-	282.423.750.000
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.781.547	168.248.600
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam		
Cổ tức được chia	-	4.524.662.800
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin		
Mua dịch vụ	-	42.842.836
Trường Cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh		
Mua dịch vụ	109.378.704	126.560.000
Tiền lương, thưởng và thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Văn Thủy (đến ngày 23 tháng 6 năm 2022)	147.781.200	249.463.600
Ông Nguyễn Quang Quyền	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	36.000.000	36.000.000
Ông Vũ Xuân Dũng	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Xuân Diện	36.000.000	-

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

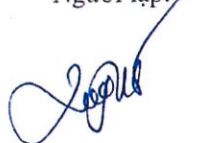
	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2021
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Phó Tổng Giám đốc phụ trách		
Tiền lương và thưởng	175.168.800	212.205.200
Thành viên khác của Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	149.892.400	356.069.200
Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách		
Tiền lương và thù lao	171.475.300	162.554.400
Thành viên khác của Ban kiểm soát		
Thù lao	60.000.000	60.000.000

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải
Quyền Tổng Giám đốc